TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 6 - 2022
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiêm.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Minh Phấn và bà Trần Thị Huệ.
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1988 (*Có mặt*).
Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- Bị đơn: Ông Nguyễn R, sinh năm: 1985 (*Vắng mặt*).

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn R tự nguyện kết hôn ngày 14/11/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông R hay uống rượu say rồi về đánh chửi bà. Sự việc vợ chồng mâu thuẫn xảy ra trong nhiều năm chung sống và đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Quá bất mãn nên bà đã bỏ vào Bình Dương sống được khoảng 02 năm nay và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Tr đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn ông R.

- Về nuôi con khi ly hôn: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 30/8/2004 và cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 20/7/2012. Hiện 02 cháu

đang sống với ông R và có nguyện vọng được ở với ông R; nên khi ly hôn thì bà đồng ý giao hai con chung cho ông R trực tiếp nuôi, bà không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con theo pháp luật. Nếu sau này ông R không có điều kiện nuôi con chung thì bà được quyền xin thay đổi người nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2022, trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn R trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Tr về quan hệ hôn nhân, con cái, cũng như quá trình chung sống của vợ chồng. Trong cuộc sống hôn nhân ông thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vả to tiếng với nhau và đã sống ly thân, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không lớn đều xuất phát từ những vấn đề nhỏ nhặt trong sinh hoạt gia đình, có thể khắc phục được vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên bà Tr xin ly hôn thì ông không đồng ý. Ông đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dưỡng con chung, vì ông muốn các con có cha mẹ.

Trường hợp bà Tr cương quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận thì ông có nguyện vọng nuôi 02 con chung, vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà Tr bỏ vào Bình Dương sinh sống không quan tâm và gửi tiền về nuôi con, các con đã sống ổn định với ông và về điều kiện kinh tế ông làm thuê thu nhập từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đủ lo cho 02 con, nên ông tự nguyện không yêu cầu bà Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho bà Nguyễn Thị Tr được ly hôn với ông Nguyễn R. Về con chung: Giao 02 con chung cho ông R trực tiếp nuôi dưỡng và bà Tr không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông R tự nguyện không yêu cầu. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn R có địa chỉ cư trú tại thôn Thái An, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn và việc nuôi con; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt lần hai không có lý do; điều này chứng tỏ ông R đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt ông R là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn R là hợp pháp. Sau khi về chung sống do không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Xác minh tại địa phương nơi bà Tr và ông R cư trú và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì: Quá trình chung sống, vợ chồng ông R, bà Tr thường xuyên cải vả nhau, hàng xóm và địa phương đều chứng kiến sự việc này và hơn một năm nay bà Tr đã bỏ đi nơi khác sinh sống, làm việc và thỉnh thoảng về thăm nhà. Bà Tr và ông R đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả to tiếng với nhau và đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Ông R cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn, nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì ông cũng không có động thái hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ, mà mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông R đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông R là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà Tr, ông R có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 30/8/2004 và cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 20/7/2012. Bà Tr và ông R đã tự nguyện thỏa thuận nếu vợ chồng ly hôn thì giao 02 con chung cho ông R trực tiếp nuôi, ông R tự nguyện không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con. Bà Tr được quyền thăm nom con theo quy định và nếu sau này ông R không đủ điều kiện nuôi con thì bà Tr được quyền thay đổi người nuôi con. Xét thấy, thỏa thuận của bà Tr và ông R là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung là muốn ở với ông R và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về nuôi con chung khi ly hôn giữa các đương sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn R không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tr đối với ông Nguyễn R.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tr được ly hôn với ông Nguyễn R.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn R, cụ thể:

- Về con chung: Khi ly hôn ông Nguyễn R được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 30/8/2004 và cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 20/7/2012. Bà Nguyễn Thị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông R tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn bà Tr có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông R và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu bà Tr lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông R có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Tr.

Khi có căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn R không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Tr phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006684 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (*bà Tr đã nộp đủ án phí*).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/6/2022), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hải
(GCNKH số 58 ngày 14/11/2005);
- Lưu HS + Án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nghiêm